

Phụ lục 7

Danh mục hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu đang thực hiện hoặc có kế hoạch triển khai tại các bộ môn

Danh sách người hướng dẫn đáp ứng đủ điều kiện hướng dẫn nghiên cứu sinh

(Kèm theo văn bản hướng dẫn số 202 /TB-ĐHL ngày 01 tháng 03 năm 2023

của Hiệu trưởng trường Đại học Luật, ĐHQGHN)

A. Danh mục hướng nghiên cứu, lĩnh vực nghiên cứu, đề tài nghiên cứu đang thực hiện hoặc có kế hoạch triển khai tại các bộ môn.

I. Chuyên ngành Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật

1. Hướng nghiên cứu

1.1. Nhóm nghiên cứu Lý luận nhà nước và pháp luật, Xã hội học pháp luật

1. Nhà nước pháp quyền;
2. Những vấn đề về nhà nước và pháp luật trong bối cảnh toàn cầu hoá
3. Chức năng nhà nước đương đại;
4. Lý thuyết về pháp luật
5. Nguồn pháp luật
6. Văn hóa pháp luật và văn hóa nhân quyền;
7. Xã hội học xây dựng, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật;
8. Xã hội học tiếp cận công lý, pháp luật;
9. Xã hội học pháp luật về các vấn đề xã hội.
10. Xã hội học pháp luật về các vấn đề xã hội.

1.2. Nhóm nghiên cứu Lịch sử nhà nước và pháp luật gồm các hướng nghiên cứu chính:

1. Lịch sử tư tưởng pháp luật: Nghiên cứu giá trị đương đại của các hệ tư tưởng, các thiết chế chính trị trong lịch sử và khả năng kế thừa trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam hiện nay;
2. Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt nam: Nghiên cứu các khía cạnh của truyền thống pháp luật Việt Nam: văn hóa pháp luật truyền thống; đặc điểm về nguồn và hình thức pháp luật, cách thức xây dựng và ban hành, thực hiện pháp luật trong xã hội Việt Nam truyền thống; nội dung cơ bản của pháp luật trong các giai đoạn phát triển của lịch sử pháp luật; hương ước, luật tục...
3. Lịch sử pháp luật thế giới;
4. Nghiên cứu lịch sử tổ chức nhà nước và pháp luật của các nước trong khu vực và sự tương tác với Việt Nam trong các giai đoạn lịch sử;
5. Nghiên cứu nội dung và giá trị của các Bộ luật lớn, các trường phái pháp luật lớn trong lịch sử pháp luật thế giới;
6. Nghiên cứu các mô hình lập hiến và lập pháp trên thế giới;
7. Nghiên cứu lịch sử kĩ thuật lập pháp trên thế giới;
8. Nghiên cứu các hình thức nhà nước và các xu hướng vận động của pháp luật trên thế giới ...

9. Tư tưởng chính trị - pháp lý Việt nam;
 10. Nghiên cứu các khía cạnh của truyền thống pháp luật Việt Nam: văn hóa pháp luật truyền thống; đặc điểm về nguồn và hình thức pháp luật, cách thức xây dựng và ban hành, thực hiện pháp luật trong xã hội Việt Nam truyền thống; nội dung cơ bản của pháp luật trong các giai đoạn phát triển của lịch sử pháp luật; hương ước, luật tục...
 11. Nghiên cứu tư tưởng pháp quyền nhân nghĩa của Hồ Chí Minh;
 12. Nhà nước và pháp luật các quốc gia thuộc ASEAN.
- 1.3. Nhóm nghiên cứu Luật học so sánh, lý thuyết pháp luật, gồm các hướng nghiên cứu chính*
1. Phương pháp so sánh luật học;
 2. Các hệ thống pháp luật lớn trên thế giới;
 3. Các lý thuyết hiện đại về pháp luật;
 4. Kỹ thuật lập pháp hiện đại;
 5. Hiện đại hóa pháp luật và xu hướng phát triển pháp luật trên thế giới.
 6. Cây ghép, du nhập pháp luật
- 1.4. Nhóm nghiên cứu chính sách, pháp luật và phát triển*
1. Phân tích chính sách;
 2. Pháp luật và phát triển bền vững;
 3. Thực hiện pháp luật về quyền con người;
 4. Cơ chế giải quyết tranh chấp, xung đột trong xã hội;
 5. Sự tham gia của tổ chức xã hội trong hoạt động nhà nước
 6. Sự tham gia của nhân dân, dân chủ ở địa phương; dân chủ cơ sở
 7. Dịch vụ pháp lý.
- 2. Danh mục các đề tài nghiên cứu đang thực hiện**
1. Chính sách, pháp luật về tự do hiệp hội ở Việt Nam hiện nay;
 2. Vai trò của luật sư trong việc bảo vệ quyền con người ở Việt Nam hiện nay;
 3. Giáo dục pháp luật cho giáo viên các trường phổ thông, liên hệ thực tiễn ở thành phố Hà Nội;
 4. Hệ thống pháp luật Việt Nam trong quá trình toàn cầu hóa và hình thành Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC);
 5. Pháp luật về công chức cấp xã ở Việt Nam hiện nay;
 6. Kiểm soát thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong pháp luật Việt Nam: Lý luận và thực tiễn;
 7. Những vấn đề lý luận và thực tiễn về quản lý luật sư và hành nghề luật sư ở Việt Nam;
 8. Giáo dục pháp luật cho thanh niên trong các doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay;
 9. Thực hiện pháp luật về bảo đảm và bảo vệ quyền con người trong lĩnh vực lao động và việc làm ở Việt Nam hiện nay;

10. Cơ chế xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động thương mại điện tử ở Việt Nam hiện nay;
11. Hoàn thiện pháp luật để xây dựng quan hệ lao động hài hòa, tiến bộ và ổn định theo tinh thần Hiến pháp năm 2013;
12. Hoàn thiện cơ chế bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo ở Việt Nam ở Việt Nam hiện nay;
13. Mối quan hệ nhà nước và cá nhân trong chế độ sở hữu ở Việt Nam;
14. Quản trị địa phương ở các nước Châu Âu: Anh, Pháp, Đức và sự tiếp thu kinh nghiệm cho Việt Nam;
15. Mối quan hệ giữa hiến pháp và quyền con người;
16. Tác động của hiệp định thương mại tự do đối với việc bảo đảm quyền con người ở Việt Nam;
17. Chế định Ủy ban thường vụ Quốc hội Việt Nam;
18. Cơ sở lý luận và thực tiễn của chế định trưng cầu ý dân;
19. Hoạt động phòng, chống tham nhũng của thanh tra Chính phủ ở Việt Nam hiện nay;
20. Kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ở Việt Nam hiện nay;
21. Bảo đảm quyền công dân trong lĩnh vực chính trị của cơ quan hành chính nhà nước ở Việt Nam hiện nay;
22. Chủ nghĩa Hiến pháp: Nhận thức và việc vận dụng ở Việt Nam;
23. Vai trò của luật sư trong việc bảo vệ quyền con người ở Việt Nam hiện nay;
24. Giáo dục pháp luật cho giáo viên các trường phổ thông, liên hệ thực tiễn ở thành phố Hà Nội;
25. Hệ thống pháp luật Việt Nam trong quá trình toàn cầu hóa và hình thành Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC);
26. Kiểm soát thực hiện quyền lập pháp ở Việt Nam hiện nay;
27. Bảo đảm quyền biểu tình của công dân ở Việt Nam hiện nay;
28. Giáo dục pháp luật cho thanh niên trong các doanh nghiệp ở Việt Nam hiện nay;
29. Thực hiện pháp luật về đảm và bảo vệ quyền con người trong lĩnh vực lao động và việc làm ở Việt Nam hiện nay;
30. Cơ chế xử lý vi phạm pháp luật trong hoạt động thương mại điện tử ở Việt Nam hiện nay;
31. Cơ chế pháp lý về sự tham gia của công dân vào hoạt động phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay;
32. Hoàn thiện pháp luật về chức năng nhiệm vụ của Viện Kiểm sát trong tổ tụng hành chính
33. Vai trò của tổ tụng hành chính trong bảo vệ quyền con người ở Việt Nam hiện nay.

II. Chuyên ngành Luật hiến pháp và luật hành chính

2.1. Luật hiến pháp và luật hành chính

Các vấn đề lý luận, pháp lý, thực tiễn trên thế giới và ở Việt Nam liên quan đến những chủ đề sau:

1. Chế độ chính trị;
2. Bộ máy nhà nước;
3. Kiểm soát quyền lực nhà nước;
4. Cơ chế bảo hiến;
5. Các thiết chế hiến định độc lập
6. Quyền lập pháp
7. Quyền hành pháp;
8. Quyền tư pháp;
9. Bầu cử;
10. Dân chủ trực tiếp;
11. Dân chủ đại diện;
12. Dân chủ ở cấp địa phương;
13. Phân quyền trong tổ chức quyền lực nhà nước;
14. Nhà nước pháp quyền;
15. Quyền con người;
16. Bộ máy hành chính;
17. Cải cách hành chính;
18. Hiến pháp;
19. Chủ nghĩa hiến pháp;
20. Chủ quyền nhân dân;
21. Quốc hội;
22. Chủ tịch nước;
23. Chính phủ;
24. Tòa án;
25. Viện kiểm sát;
26. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
27. Các thiết chế hiến định độc lập;
28. Chính quyền địa phương;
29. Hội đồng nhân dân;
30. Ủy ban nhân dân;
31. Tư pháp phục hồi;
32. Tư pháp với người chưa thành niên;
33. Độc lập tư pháp;
34. Liêm chính tư pháp;
35. Trách nhiệm tư pháp;
36. Các quyền con người, quyền cơ bản của công dân;
37. Hạn chế quyền;

38. Các bản Hiến pháp Việt Nam
39. Thi hành các quy định của Hiến pháp năm 2013
40. Kiểm soát quyền lực trong tình trạng khẩn cấp
41. Pháp luật về tình trạng khẩn cấp
42. Giới hạn quyền con người trong tình trạng khẩn cấp
43. Pháp luật về vận động hành lang
44. Phòng, chống tham nhũng;
45. Các vấn đề luật hiến pháp nước ngoài và so sánh/kinh nghiệm cho Việt Nam
46. Tuyển dụng, sử dụng, quản lý, đánh giá, kỷ luật công chức;
47. Tuyển dụng, sử dụng, quản lý, đánh giá, kỷ luật viên chức;
48. Quyết định hành chính;
49. Xây dựng và sửa đổi hiến pháp;
50. Xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
51. Xử lý vi phạm hành chính;
52. Các biện pháp hành chính;
53. Tổ tụng hành chính;
54. Tòa án hành chính;
55. Hợp đồng hành chính;
56. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại;
57. Tố cáo và giải quyết tố cáo;
58. Thanh tra;
59. Phân chia đơn vị hành chính;
60. Phân cấp quản lý giữa Trung ương và địa phương;
61. Trách nhiệm kỷ luật của công chức;
62. Trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan nhà nước;
63. Chế độ công vụ;
64. Trách nhiệm công vụ;
65. Đơn vị hành chính, kinh tế đặc biệt;
66. Chính phủ mở;
67. Chính phủ điện tử;
68. Kiểm soát xung đột lợi ích trong hoạt động công vụ;
69. Thẩm quyền của các cơ quan hành chính nhà nước trong tình trạng khẩn cấp;
70. Các vấn đề luật hành chính nước ngoài và so sánh/kinh nghiệm cho Việt Nam

2.2. Lý luận và pháp luật về quyền con người

Các vấn đề lý luận, pháp lý, thực tiễn trên thế giới và ở Việt Nam liên quan đến những chủ đề sau:

1. Nguồn gốc, bản chất của quyền con người;
2. Phân loại quyền con người;

3. Quyền con người và quyền công dân;
4. Quyền cá nhân;
5. Quyền của nhóm;
6. Quyền tập thể;
7. An ninh con người;
8. Nghĩa vụ của nhà nước về quyền con người;
9. Giới hạn của quyền con người;
10. Tạm đình chỉ quyền con người;
11. Pháp luật và quyền con người;
12. Chính trị và quyền con người;
13. Dân chủ và quyền con người;
14. Văn hoá và quyền con người;
15. Tôn giáo và quyền con người;
16. Nho giáo và quyền con người;
17. Ki-tô giáo và quyền con người;
18. Hồi giáo và quyền con người;
19. Phật giáo và quyền con người;
20. Kinh doanh và quyền con người;
21. Toàn cầu hóa và quyền con người;
22. Khủng bố và quyền con người;
23. Trí tuệ nhân tạo và quyền con người;
24. Báo chí và nhân quyền;
25. Internet và nhân quyền;
26. Mạng xã hội và nhân quyền;
27. Tòa án và nhân quyền;
28. Nghị viện và nhân quyền;
29. Giáo dục nhân quyền;
30. Lịch sử phát sinh, phát triển, đặc điểm, tính chất, nội dung của luật nhân quyền quốc tế;
31. Vấn đề quyền con người trong luật nhân đạo quốc tế;
32. Vấn đề quyền con người trong luật hình sự quốc tế;
33. Vấn đề quyền con người trong luật thương mại quốc tế;
34. Can thiệp nhân đạo và quyền con người;
35. Quyền con người trong quan hệ quốc tế;
36. Quyền con người trong chính sách đối ngoại của các nước phương Tây;
37. Quyền con người và phát triển bền vững;
38. Quyền con người và phòng, chống tham nhũng;
39. Bộ máy/ cơ chế bảo vệ, thúc đẩy quyền con người của Liên hợp quốc;
40. Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc;

41. Các thủ tục đặc biệt của Hội đồng Nhân quyền Liên hợp quốc;
42. Các ủy ban giám sát điều ước nhân quyền Liên hợp quốc;
43. Tòa án Nhân quyền châu Âu;
44. Tòa án và Ủy ban Nhân quyền châu Mỹ;
45. Tòa án và Ủy ban Nhân quyền châu Phi;
46. Cơ chế nhân quyền ASEAN;
47. Cơ chế UPR;
48. Cơ chế quốc gia về bảo vệ và thúc đẩy nhân quyền;
49. Cơ quan nhân quyền quốc gia (NHRI);
50. Việt Nam với việc thực thi các công ước nhân quyền;
51. Việt Nam với các cơ chế bảo vệ quyền con người của Liên hợp quốc;
52. Việt Nam và cơ chế UPR;
53. Quyền con người trong hoạt động tư pháp;
54. Quyền của các nhóm yếu thế (trẻ em, phụ nữ, người thiểu số, LGBTIQ, người bị tước tự do, người cao tuổi, người nước ngoài, người không quốc tịch, người lao động di trú, người sống chung với HIV/AIDS, người tỵ nạn, người tìm kiếm nơi lánh nạn, ...);
55. Lao động trẻ em;
56. Những hình thức nô lệ hiện đại;
57. Quyền sống;
58. Quyền sống trong môi trường trong lành;
59. Quyền sống trong hoà bình;
60. Quyền tự do và an ninh cá nhân;
61. Quyền con người trong tình trạng khẩn cấp;
62. Quyền được bảo vệ đời tư;
63. Quyền có mức sống thích đáng;
64. Quyền có nơi ở thích đáng;
65. Quyền tự do đi lại và cư trú;
66. Quyền tự do tư tưởng, tự do tín ngưỡng, tôn giáo;
67. Quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí;
68. Quyền tiếp cận thông tin;
69. Quyền tự do hội họp, hiệp hội, biểu tình;
70. Quyền bình đẳng trước pháp luật;
71. Quyền có quốc tịch;
72. Quyền bình đẳng nam, nữ;
73. Quyền bầu cử, ứng cử;
74. Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội;
75. Quyền khiếu nại, tố cáo;
76. Quyền được tổ tụng công minh;

77. Cấm tra tấn, đối xử tàn bạo, vô nhân đạo và hạ nhục;
78. Quyền tiếp cận công lý;
79. Quyền được trợ giúp pháp lý;
80. Hình phạt tử hình;
81. Quyền sở hữu tài sản;
82. Quyền tự do kinh doanh;
83. Quyền được bảo đảm an sinh xã hội;
84. Quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc;
85. Quyền được trả lương thích đáng, được bảo đảm các điều kiện làm việc công bằng, an toàn;
86. Cấm lao động cưỡng bức, lao động trẻ em;
87. Quyền kết hôn, ly hôn, thành lập gia đình;
88. Quyền bình đẳng trong hôn nhân, gia đình;
89. Quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe;
90. Quyền hưởng an sinh xã hội;
91. Quyền được giáo dục;
92. Quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động đó;
93. Quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hoá, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa;
94. Quyền xác định dân tộc của mình, sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ, lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp;
95. Chế độ nô lệ;
96. Những hình thức nô lệ hiện đại;

2.3. Lý luận và pháp luật về quản trị nhà nước và phòng, chống tham nhũng

Các vấn đề lý luận, pháp lý, thực tiễn trên thế giới và ở Việt Nam liên quan đến những chủ đề sau:

1. Quản trị và quản lý nhà nước;
2. Quản trị tốt;
3. Hành chính công;
4. Mối quan hệ giữa quản trị nhà nước và phòng, chống tham nhũng;
5. Nguyên nhân, bản chất, dạng thức biểu hiện, tác hại của tham nhũng;
6. Giải pháp phòng, chống tham nhũng;
7. Tham nhũng nhỏ;
8. Tham nhũng lớn;
9. Tham nhũng chính sách;
10. Lũng đoạn nhà nước;
11. Chủ nghĩa tư bản thân hữu;

12. Quản trị nhà nước và/hoặc phòng, chống tham nhũng trong lịch sử Việt Nam;
13. Vấn đề quản trị nhà nước và/hoặc phòng, chống tham nhũng Bộ luật Hồng Đức;
14. Vấn đề quản trị nhà nước và/hoặc phòng, chống tham nhũng trong Bộ luật Gia Long;
15. Vấn đề quản trị nhà nước và/hoặc phòng, chống tham nhũng qua các thư tịch cổ khác của Việt Nam;
16. Vấn đề quản trị nhà nước và/hoặc phòng, chống tham nhũng trong thời kỳ Pháp thuộc ở Việt Nam;
17. Quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về quản trị nhà nước và/hoặc phòng, chống tham nhũng;
18. Tư tưởng Hồ Chí Minh về quản trị nhà nước và/hoặc phòng, chống tham nhũng;
19. Pháp luật về quản trị nhà nước và/hoặc phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam kể từ 1945 đến nay;
20. Pháp luật về quản trị nhà nước và/hoặc phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam kể từ Đổi mới (1986) đến nay;
21. Pháp luật về quản trị nhà nước và/hoặc phòng ngừa tham nhũng ở Việt Nam hiện nay;
22. Pháp luật về xử lý hành vi tham nhũng ở Việt Nam hiện nay;
23. Pháp luật về công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan nhà nước ở Việt Nam hiện nay;
24. Pháp luật về công khai, minh bạch tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức ở Việt Nam hiện nay;
25. Pháp luật về trách nhiệm giải trình trong hoạt động công vụ ở Việt Nam hiện nay;
26. Pháp luật về bảo vệ người tố cáo tham nhũng ở Việt Nam hiện nay;
27. Pháp luật về kiểm soát quyền lực của người có chức vụ, quyền hạn ở Việt Nam hiện nay;
28. Pháp luật về kiểm soát thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn ở Việt Nam hiện nay;
29. Pháp luật về thu hồi và/hoặc xử lý tài sản tham nhũng ở Việt Nam hiện nay;
30. Pháp luật về hợp tác quốc tế trong phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay;
31. Giáo dục liêm chính ở Việt Nam hiện nay;
32. Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng;
33. Các cơ chế quốc tế, khu vực về chống tham nhũng;
34. Nội luật hoá Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng vào hệ thống pháp luật Việt Nam;
35. Thực thi Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng ở Việt Nam;
36. Vai trò, trách nhiệm của xã hội trong phòng, chống tham nhũng;
37. Vai trò, trách nhiệm của báo chí trong phòng, chống tham nhũng;

38. Cơ quan phòng, chống tham nhũng.

III. Chuyên ngành Luật dân sự và tố tụng dân sự

3.1. Lĩnh vực luật dân sự

1. Nguyên tắc thiện chí trung thực trong pháp luật dân sự Việt Nam và thế giới;
2. Nguyên tắc cấm lạm dụng quyền trong pháp luật dân sự Việt Nam và thế giới;
3. Chủ thể quan hệ pháp luật dân sự trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0;
4. Vai trò của luật tư trong hợp đồng hành chính;
5. Hiệu lực của quyền hiến định trong luật tư.
6. Xây dựng mô hình luật tài sản Việt Nam
7. Pháp điển hóa luật dân sự - kinh nghiệm của Trung Quốc
8. Vai trò của chế định đại diện trong pháp luật kinh doanh, thương mại;
9. Những vấn đề pháp lý về tài sản mã hóa;
10. Pháp luật về đăng ký tài sản kinh nghiệm từ một số quốc gia;
11. Bảo vệ quyền nhân thân trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0;
12. Bảo vệ dữ liệu cá nhân trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0;
13. Chuyển đổi giới tính trong pháp luật dân sự Việt Nam và thế giới;
14. Phân loại nghĩa vụ thành quả và nghĩa vụ mẫn cán trong pháp luật dân sự Việt Nam và thế giới;
15. Hứa thưởng trong pháp luật dân sự Việt Nam và thế giới;
16. Thực hiện công việc không có uỷ quyền trong pháp luật dân sự Việt Nam và thế giới;
17. Tự do hợp đồng: lý thuyết và thực tiễn;
18. Nguyên tắc “Tự do hợp đồng” và giới hạn của nguyên tắc “Tự do hợp đồng” trong pháp luật dân sự qua lăng kính hợp đồng lao động;
19. Bảo vệ bên yếu thế trong quan hệ hợp đồng trong pháp luật dân sự Việt Nam và thế giới;
20. Điều khoản miễn trừ và hạn chế trách nhiệm dân sự trong pháp luật dân sự Việt Nam và thế giới;
21. Những vấn đề pháp lý về hợp đồng thông minh;
22. Đề nghị giao kết hợp đồng tới công chúng - Lý luận và thực tiễn;
23. Hợp đồng dân sự vô hiệu do nhầm lẫn trong pháp luật dân sự Việt Nam và thế giới;
24. Chuyển giao hợp đồng trong pháp luật dân sự Việt Nam và thế giới;
25. Quy chế pháp lý về chuyển giao trái quyền từ góc nhìn pháp luật so sánh;
26. Quy chế pháp lý về chuyển giao nghĩa vụ trong sáp nhập, chia và tách công ty;
27. Bảo vệ người thứ ba ngay tình theo pháp luật dân sự Việt Nam;
28. Bảo vệ người thứ ba trong quan hệ đại diện theo pháp luật dân sự Việt Nam
29. Năng lực hành vi dân sự của cá nhân;
30. Pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0;
31. Năng lực bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng của cá nhân;
32. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do thực phẩm không an toàn gây ra;
33. Bồi thường thiệt hại trong lĩnh vực môi trường;

34. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng của pháp nhân;
35. Trách nhiệm bồi thường thiệt hại do người làm công gây ra;
36. Xác định thiệt hại trong bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng;
37. Bồi thường thiệt hại về tinh thần trong pháp luật Việt Nam và thế giới;
38. Tồn thất kinh tế thuần tuý trong pháp luật bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng Việt Nam và thế giới;
39. Vai trò của lỗi trong pháp luật bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng Việt Nam và thế giới;
40. Trách nhiệm dân sự thay thế trong pháp luật bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng Việt Nam và thế giới;
41. Trách nhiệm dân sự của nhà điều hành nền tảng trực tuyến – kinh nghiệm trên thế giới và khuyến nghị cho Việt Nam
42. Chiếm hữu theo pháp luật Việt Nam và thế giới;
43. Quyền hưởng dụng trong pháp luật dân sự Việt Nam và thế giới;
44. Quyền bề mặt trong pháp luật dân sự Việt Nam và thế giới;
45. Pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bằng động sản;
46. Thứ tự ưu tiên trong pháp luật về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ;
47. Cầm giữ tài sản theo pháp luật Việt Nam và thế giới;
48. Bảo lưu quyền sở hữu theo pháp luật Việt Nam;
49. Nguyên tắc pháp định của vật quyền;
50. Sở hữu chung hợp nhất trong pháp luật Việt Nam và thế giới;
51. Sở hữu chung theo phần trong pháp luật Việt Nam và thế giới;
52. Giới hạn quyền sở hữu trong bảo vệ văn hoá phi vật thể;
53. Thừa kế tư cách thành viên công ty - Lý luận và thực tiễn;
54. Pháp luật về thừa kế trong bối cảnh cách mạng 4.0;
55. Thừa kế quyền sở hữu trí tuệ - Lý luận và thực tiễn;
56. Di chúc chung của vợ chồng và hợp đồng di chúc từ góc nhìn pháp luật so sánh;
57. Sự giao thoa trong pháp luật về đại diện và pháp luật về thừa kế;
58. Quản lý di sản thờ cúng theo pháp luật Việt Nam;
59. Xây dựng chế định uỷ thác trong Bộ luật Dân sự: Kinh nghiệm của một số quốc gia đang chuyển đổi và khuyến nghị cho Việt Nam;
60. Đắc lợi vô căn;
61. Vật quyền phụ thuộc/hạn chế;
62. Tài sản công;
63. Điều kiện có hiệu lực của giao dịch/hợp đồng;
64. Hành vi pháp lý đơn phương.

3.2. Lĩnh vực luật tố tụng dân sự và thi hành án dân sự

1. Pháp luật tố tụng dân sự trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0;
2. Thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự của Tòa án trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0.
3. Xây dựng mô hình chế định khởi kiện tập thể trong tố tụng dân sự Việt Nam;

4. Xây dựng mô hình tòa án điện tử trong giải quyết vụ việc dân sự ở Việt Nam;
5. Chứng cứ điện tử trong tố tụng dân sự;
6. Tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự;
7. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự;
8. Chuẩn bị xét xử sơ thẩm vụ án dân sự;
9. Biện pháp khẩn cấp tạm thời tiền tố tụng;
10. Thủ tục giải quyết việc dân sự
11. Phiên tòa dân sự trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0;
12. Pháp luật thi hành án dân sự trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0.

3.3. Lĩnh vực luật sở hữu trí tuệ

1. Bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong bối cảnh thực thi các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới ở Việt Nam;
2. Bảo hộ quyền tác giả trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0;
3. Bảo hộ quyền liên quan trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0;
4. Bảo hộ nhãn hiệu phi truyền thống trong pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam;
5. Bảo hộ nhãn hiệu được sử dụng và thừa nhận rộng rãi;
6. Bảo hộ kiểu dáng công nghiệp trong bối cảnh thực thi các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới ở Việt Nam;
7. Bảo hộ sáng chế trong bối cảnh thực thi các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới ở Việt Nam;
8. Bảo hộ chỉ dẫn địa lý trong bối cảnh thực thi các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới ở Việt Nam
9. Trách nhiệm dân sự của các nhà cung cấp dịch vụ Internet đối với hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong môi trường mạng;
10. Xác định hành vi xâm phạm quyền tác giả gián tiếp;
11. Xác định hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp gián tiếp;
12. Biện pháp khẩn cấp tạm thời trong xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ;
13. Bảo hộ chồng lấn giữa quyền tác giả và kiểu dáng công nghiệp;
14. Bảo hộ chồng lấn giữa quyền tác giả và nhãn hiệu;
15. Giải quyết tranh chấp giữa nhãn hiệu và tên thương mại;
16. Bảo hộ phần mềm máy tính theo pháp luật Việt Nam;
17. Bảo hộ thiết kế bố trí mạch tích hợp theo pháp luật Việt Nam;
18. Bảo hộ quyền đối với giống cây trồng mới theo pháp luật Việt Nam;
19. Trí tuệ nhân tạo và những vấn đề đặt ra đối với pháp luật sở hữu trí tuệ;
20. Công nghệ in 3D và những vấn đề đặt ra đối với pháp luật sở hữu trí tuệ;
21. Pháp điển hóa pháp luật sở hữu trí tuệ.
22. Pháp luật về thương mại hóa quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam.

3.4. Lĩnh vực luật hôn nhân và gia đình

1. Hiệu lực của thoả thuận về chế độ tài sản của vợ chồng;
2. Xây dựng chế định kết hợp dân sự ở Việt Nam;

3. Hoàn thiện pháp luật Việt Nam về xác định cha, mẹ, con trong trường hợp sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản;
4. Nguyên tắc bảo vệ trẻ em trong pháp luật hôn nhân và gia đình Việt Nam;
5. Xây dựng chế định hôn nhân thực tế ở Việt Nam.

IV. Chuyên ngành Luật hình sự và tố tụng hình sự

4.1. Lĩnh vực luật hình sự

1. Chính sách hình sự trong bối cảnh Cách mạng Công nghiệp 4.0
2. Các xu hướng phát triển của luật hình sự Việt Nam
3. Tính thống nhất nội tại của luật hình sự và tính thống nhất của luật hình sự với các luật khác trong hệ thống thể chế tư pháp hình sự
4. Mối quan hệ giữa luật hình sự với các luật chuyên ngành trong hệ thống pháp luật Việt Nam
5. Kỹ thuật lập pháp hình sự
6. Luật hình sự so sánh
7. Hình phạt trong luật hình sự Việt Nam và thế giới
8. Quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam và thế giới
9. Quyền của người phạm tội trong luật hình sự
10. Quyền của nạn nhân trong luật hình sự
11. Các tội/nhóm tội phạm cụ thể trong phần riêng của luật hình sự trước thách thức của an ninh phi truyền thống
12. Yếu tố chi phí/kinh tế trong luật hình sự
13. Hình phạt trong luật hình sự và mối quan hệ với hình phạt học, xã hội học hình phạt

4.2. Lĩnh vực luật tố tụng hình sự

1. Các xu hướng phát triển của luật tố tụng hình sự Việt Nam
2. Mối quan hệ giữa luật tố tụng hình sự và các chế định bổ trợ tư pháp trong giải quyết vụ án hình sự
3. Kỹ thuật lập pháp tố tụng hình sự
4. Các chức năng của tố tụng hình sự
5. Chứng cứ và chứng minh trong tố tụng hình sự
6. Chủ thể của tố tụng hình sự
7. Quyền con người trong tố tụng hình sự
8. Những biện pháp cưỡng chế trong tố tụng hình sự
9. Hợp tác quốc tế trong tố tụng hình sự
10. Các thủ tục tố tụng hình sự đặc biệt
11. Các thủ tục tố tụng hình sự trong sự tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0

4.3. Lĩnh vực luật thi hành án hình sự

1. Các xu hướng phát triển của luật thi hành án hình sự Việt Nam

2. Mối quan hệ giữa luật hình sự và luật thi hành án hình sự trong quy định về hình phạt và chấp hành hình phạt
3. Kỹ thuật lập pháp thi hành án hình sự, thi hành tạm giữ, tạm giam
4. Chủ thể thi hành án và chấp hành án hình sự
5. Quyền con người trong thi hành án hình sự
6. Thi hành án hình sự đối với các trường hợp tước tự do của người chấp hành án
7. Thi hành án hình sự đối với các trường hợp không tước tự do của người chấp hành án

V. Chuyên ngành Luật kinh tế

5.1. Lĩnh vực luật thương mại

1. Cải cách luật thương mại đáp ứng yêu cầu của Cách mạng công nghiệp 4.0;
2. Pháp điển hóa luật thương mại;
3. Chủ thể luật thương mại;
4. Pháp luật về giải quyết tranh chấp thương mại bằng các biện pháp thay thế (trọng tài, hòa giải, thương lượng và các biện pháp khác);
5. Pháp luật về giải quyết tranh chấp đầu tư quốc tế.
6. Pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng, bao gồm cả bảo vệ người tiêu dùng trong thương mại điện tử.
7. Pháp luật về thương mại điện tử và kinh tế chia sẻ;
8. Những vấn đề pháp lý về quản trị công ty;
9. Pháp luật cạnh tranh;
10. Pháp luật về phá sản doanh nghiệp;
11. Pháp luật về tổ chức kinh doanh so sánh;
12. Pháp luật về đầu tư.
13. Pháp luật về đầu tư công.
14. Pháp luật về đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP)
15. Pháp luật về chuyển đổi, tái cấu trúc doanh nghiệp, bao gồm M&A.
16. Cải cách môi trường pháp lý kinh doanh ở Việt Nam;
17. Cải cách môi trường pháp lý về đầu tư nước ngoài ở Việt Nam.
18. Pháp luật về hành nghề cung cấp dịch vụ pháp lý.

5.2. Lĩnh vực luật tài chính – ngân hàng

1. Hoàn thiện pháp luật về thị trường tài chính ở Việt Nam trong bối cảnh tự do hóa tài chính;
2. Hoàn thiện pháp luật về tài chính doanh nghiệp ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế;
3. Pháp luật về cạnh tranh trong lĩnh vực ngân hàng ở Việt Nam – Thực trạng và giải pháp hoàn thiện;
4. Pháp luật về thuế tài sản;

5.3. Lĩnh vực luật lao động và an sinh xã hội

1. Cải cách pháp luật lao động đáp ứng yêu cầu Cách mạng công nghiệp 4.0;

2. Pháp luật việc làm cho lao động đặc thù;
3. Tiêu chuẩn lao động quốc tế cơ bản và sự nội luật hóa trong pháp luật lao động Việt Nam;
4. Pháp luật về bảo vệ người lao động Việt Nam làm việc tại nước ngoài.
5. Bảo vệ quyền của người lao động trong pháp luật lao động;
6. Bình đẳng giới của người lao động theo pháp luật Việt Nam;
7. Pháp luật về bảo hiểm xã hội;
8. Pháp luật về trợ giúp xã hội cho người khuyết tật;
9. Tiếp cận các dịch vụ xã hội theo pháp luật Việt Nam;

5.4. Lĩnh vực luật đất đai

1. Pháp luật về thu hồi đất do vi phạm luật đất đai;
2. Pháp luật về quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng đất tại Việt Nam;
3. Pháp luật về chủ thể kinh doanh bất động sản;
4. Pháp luật về hoạt động quản lý kinh doanh bất động sản;
5. Pháp luật về kiểm soát quyết định thu hồi đất theo pháp luật Việt Nam;
6. Pháp luật về định giá đất trong bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất ở Việt Nam;
7. Pháp luật về quản lý đất nghĩa trang, nghĩa địa ở Việt Nam;
8. Quy hoạch xây dựng các trường Đại học tư thục cho đô thị thông minh ở Việt Nam;
9. Quản trị tài chính trong Đại học tư thục cho đô thị thông minh ở Việt Nam;
10. Kiểm soát trình tự, thủ tục thu hồi đất theo pháp luật Việt Nam;
11. Thi hành pháp luật về giải quyết khiếu nại, tố cáo trong thu hồi đất theo pháp luật Việt Nam;
12. Pháp luật về bảo vệ môi trường biển, hải đảo ở Việt Nam;
13. Giải quyết tranh chấp đất đai trong áp dụng án lệ tại tòa án nhân dân ở Việt Nam;

5.5. Lĩnh vực luật môi trường

1. Pháp luật về tài nguyên môi trường biển;
2. Pháp luật về bảo vệ môi trường trong các làng nghề truyền thống;
3. Pháp luật về bảo vệ đa dạng sinh học, rừng ngập mặn;
4. Pháp luật về phòng, chống ô nhiễm môi trường trong sử dụng đất nông nghiệp;
5. Pháp luật về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực du lịch;
6. Pháp luật về biến đổi khí hậu;
7. Pháp luật về thông tin môi trường;
8. Pháp luật về kiểm soát và xử lý ô nhiễm môi trường nước;
9. Pháp luật kiểm soát ô nhiễm không khí;
10. Pháp luật về đánh giá tác động môi trường;
11. Pháp luật về quản lý chất thải nguy hại;

12. Pháp luật về bảo vệ giải quyết tranh chấp môi trường tại địa phương;
13. Xử lý vi phạm pháp luật môi trường;
14. Pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động xuất khẩu;
15. Pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động nhập khẩu;
16. Pháp luật về thuế phí bảo vệ môi trường;
17. Pháp luật về bảo vệ môi trường khi khai thác tài nguyên trong lòng đất;
18. Pháp luật về xử lý rác thải đô thị theo pháp luật Việt Nam.

VI. Chuyên ngành Luật quốc tế

6.1. Lĩnh vực Công pháp quốc tế

1. Pháp luật và thực tiễn quốc tế liên quan đến an ninh, hòa bình, biên giới, lãnh thổ.
2. Các cơ chế, thiết chế, thực tiễn giải quyết tranh chấp quốc tế
3. Các cơ chế, quy định, hợp tác quốc tế nhằm đối phó, giải quyết những vấn đề mang tính toàn cầu: biến đổi khí hậu; khủng bố; đói nghèo; tội phạm; môi trường...mang tính chất quốc tế...
4. Những phát triển mới về lý luận, học thuyết, thực tiễn trong lĩnh vực luật quốc tế: vai trò của các chủ thể phi nhà nước; nguồn của Luật quốc tế.
5. Những vấn đề liên quan trực tiếp đến Việt Nam trong lĩnh vực xây dựng, đảm bảo thực thi pháp luật quốc tế: vấn đề chủ quyền biển, đảo; hợp tác gìn giữ hòa bình, thực hiện sứ mạng nhân đạo quốc tế; hợp tác về quyền con người; bảo hộ công dân, nhà đầu tư; cơ chế quốc gia về ký kết và thực thi các điều ước quốc tế.

6.2. Lĩnh vực Tư pháp quốc tế

1. Những phát triển mới trong pháp luật Việt Nam về vấn đề giải quyết xung đột pháp luật và tố tụng dân sự quốc tế.
2. Quy định và đảm bảo thực thi thẩm quyền xét xử dân sự, thương mại quốc tế của tòa án Việt Nam.
3. Các vấn đề liên quan đến bảo hộ công dân Việt Nam ở nước ngoài; bảo vệ người nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
4. Những vấn đề về hợp tác quốc tế (đa phương, song phương) giữa Việt Nam với nước ngoài trong lĩnh vực dân sự, thương mại.
5. Nghiên cứu pháp luật, thực tiễn, kinh nghiệm nước ngoài về điều chỉnh pháp luật trong lĩnh vực Tư pháp quốc tế.
6. Một số vấn đề thuộc Tư pháp quốc tế đối với Việt Nam: nuôi con nuôi; hôn nhân quốc tế; lao động có yếu tố nước ngoài; bảo hộ công dân; hợp tác trong khuôn khổ ASEAN và Hội nghị Lahaye về Tư pháp quốc tế.

6.3. Lĩnh vực Luật thương mại quốc tế

1. Những phát triển mới về Luật thương mại quốc tế về các lĩnh vực thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, thương mại đầu tư và thương mại sở hữu trí tuệ; trên bình diện đa phương, khu vực, song phương, đơn phương.

2. Nghiên cứu chính sách, pháp luật, thực tiễn thương mại quốc tế của một số đối tác thương mại quan trọng: EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc...
3. Nghiên cứu những vấn đề pháp lý mới đặt ra đối với thương mại quốc tế trong bối cảnh hiện nay: những vấn đề liên quan đến thương mại (môi trường, tiêu chuẩn xã hội, lao động; nhân quyền...); vai trò của chủ thể phi nhà nước, doanh nghiệp, NGOs); tính pháp lý và đa phương của hệ thống thương mại của WTO.
4. Những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam, các doanh nghiệp Việt Nam trong việc thực thi các cam kết tự do hóa thương mại, hội nhập khu vực và quốc tế.
5. Các vấn đề liên quan đến thống nhất hóa, hài hòa hóa pháp luật giữa Việt Nam với nước ngoài, quốc tế như: luật hàng hải, luật thương mại, dân sự, doanh nghiệp, đầu tư...

B. Danh sách người hướng dẫn đáp ứng đủ điều kiện hướng dẫn nghiên cứu sinh

I. Bộ môn Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật

Stt	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chuyên ngành
1.	PGS.TS Nguyễn Hoàng Anh	Trường Đại học Luật, ĐHQGHN	Luật Hành chính
2.	TS Nguyễn Văn Quân	Trường Đại học Luật, ĐHQGHN	Lý luận & LSNN & pháp luật
3.	TS Mai Văn Thắng	Trường Đại học Luật, ĐHQGHN	Lý luận & LSNN & pháp luật
4.	GS.TS Phạm Hồng Thái	Trường Đại học Luật, ĐHQGHN	Luật hành chính
5.	PGS.TS Vũ Công Giao	Trường Đại học Luật, ĐHQGHN	Luật hiến pháp, Luật nhân quyền
6.	PGS.TS Đặng Minh Tuấn	Trường Đại học Luật, ĐHQGHN	Luật hiến pháp
7.	PGS.TS. Đỗ Đức Minh	Trường Đại học Luật, ĐHQGHN	Lý luận & LSNN & pháp luật
8.	PGS.TS. Bùi Tiên Đạt	Trường Đại học Luật, ĐHQGHN	Luật hành chính
9.	TS. Nguyễn Linh Giang	Viện Nhà nước và Pháp luật, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội VN	Luật công
10.	PGS.TS. Tường Duy Kiên	Học viện CTQG HCM	Luật Nhân quyền

II. Bộ môn Luật hiến pháp và luật hành chính

Stt	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chuyên ngành
1.	GS.TS Phạm Hồng Thái	Trường Đại học Luật, ĐHQGHN	Luật hành chính
2.	PGS.TS Vũ Công Giao	Trường Đại học Luật, ĐHQGHN	Luật hiến pháp, Luật nhân quyền
3.	PGS.TS Đặng Minh Tuấn	Trường Đại học Luật, ĐHQGHN	Luật hiến pháp
4.	PGS.TS. Đỗ Đức Minh	Trường Đại học Luật, ĐHQGHN	Lý luận & LSNN & pháp luật
5.	PGS.TS. Nguyễn Hoàng Anh	Trường Đại học Luật, ĐHQGHN	Lý luận & LSNN & pháp luật, Luật HC
6.	PGS.TS. Bùi Tiến Đạt	Trường Đại học Luật, ĐHQGHN	Luật hành chính
7.	TS. Nguyễn Văn Quân	Trường Đại học Luật, ĐHQGHN	Lý luận & LSNN & pháp luật
8.	TS. Nguyễn Linh Giang	Viện NN &PL, Viện Hàn lâm KHXH VN	Luật công
9.	PGS.TS. Tường Duy Kiên	Học viện CTQG HCM	Luật Nhân quyền

III. Bộ môn Luật dân sự

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chuyên ngành
1.	PGS. TS. Nguyễn Thị Quế Anh	Trường Đại học Luật, ĐHQGHN	Luật DS & TTDS
2.	PGS. TS. Ngô Huy Cương	Trường Đại học Luật, ĐHQGHN	Luật Kinh tế
3.	TS. Nguyễn Hải An	Trường Đại học Luật, ĐHQGHN	Luật Kinh tế
4.	TS. Trần Kiên	Trường Đại học Luật, ĐHQGHN	Luật DS & TTDS
5.	TS. Đỗ Giang Nam	Trường Đại học Luật, ĐHQGHN	Luật DS & TTDS
6.	PGS. TS. Phan Quốc Nguyên	Trường Đại học Luật, ĐHQGHN	Luật Kinh tế
7.	TS. Nguyễn Bích Thảo	Trường Đại học Luật, ĐHQGHN	Luật DS & TTDS

STT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chuyên ngành
8.	PGS. TS. Nguyễn Thị Thu Hà	Trường ĐH Luật HN	Luật DS & TTDS
9.	PGS. TS. Bùi Thị Huyền	Trường ĐH Luật HN	Luật DS & TTDS
10.	TS. Nguyễn Văn Hợi	Trường ĐH Luật HN	Luật DS & TTDS
11.	TS. Kiều Thị Thùy Linh	Khoa Luật, Học viện Phụ nữ Việt Nam	Luật DS & TTDS
12.	PGS. TS. Trần Thăng Long	Trường ĐH Luật TP. HCM	Luật Kinh tế

IV. Bộ môn Tư pháp hình sự

Stt	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chuyên ngành
1.	GS.TSKH Lê Văn Cẩm	Trường Đại học Luật, ĐHQGHN	Luật Hình sự
2.	PGS.TS. Nguyễn Ngọc Chí	Trường Đại học Luật, ĐHQGHN	Luật Hình sự
3.	PGS.TS. Trịnh Quốc Toàn	Trường Đại học Luật, ĐHQGHN	Luật Hình sự
4.	PGS.TS. Trịnh Tiến Việt	Trường Đại học Luật, ĐHQGHN	Luật Hình sự
5.	TS. Lê Lan Chi	Trường Đại học Luật, ĐHQGHN	Luật Hình sự
6.	TS. Nguyễn Khắc Hải	Trường Đại học Luật, ĐHQGHN	Luật Hình sự
7.	PGS.TS. Đỗ Thị Phượng	Trường Đại học Luật Hà Nội	Luật Hình sự

V. Bộ môn Luật kinh doanh

Stt	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chuyên ngành
1.	PGS.TS. Phan Thị Thanh Thủy	Trường Đại học Luật, ĐHQGHN	Luật kinh tế
2.	PGS.TS. Lê Thị Hoài Thu	Trường Đại học Luật, ĐHQGHN	Luật kinh tế

3.	PGS.TS. Lê Thị Thu Thủy	Trường Đại học Luật, ĐHQGHN	Luật kinh tế
4.	PGS.TS. Doãn Hồng Nhung	Trường Đại học Luật, ĐHQGHN	Luật kinh tế
5.	TS. Nguyễn Trọng Điệp	Trường Đại học Luật, ĐHQGHN	Luật kinh tế
6.	TS. Nguyễn Thanh Huyền	Trường Đại học Luật, ĐHQGHN	Luật kinh tế
7.	TS. Nguyễn Vinh Hưng	Trường Đại học Luật, ĐHQGHN	Luật kinh tế
8.	TS. Hoàng Kim Khuyên	Viện NN & PL	Luật Kinh tế

VI. Bộ môn Luật quốc tế

Stt	Họ và tên	Cơ quan công tác	Chuyên ngành
1.	GS.TS. Nguyễn Bá Diên	Trường Đại học Luật, ĐHQGHN	Luật quốc tế
2.	GS.TS. Nguyễn Hồng Thao	Bộ Ngoại Giao	Luật quốc tế
3.	PGS.TS. Nguyễn Thị Xuân Sơn	Trường Đại học Luật, ĐHQGHN	Luật quốc tế
4.	PGS.TS. Trần Thị Thu Phương	Khoa Luật, Trường Đại học Thương mại	Luật quốc tế
5.	TS. Lê Thị Anh Đào	Trường Đại học Luật Hà Nội	Luật quốc tế